

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST.
Ngày: 16 - 5 - 2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng.
2. Ông Trần Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số X-Y, đường N, quận Z, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số X, đường T, phường Y, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo Ủy quyền của ông Nguyễn Tuấn A: Ông Nguyễn Song T – Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch T (Theo văn bản ủy quyền số 15/2020/GUQ-PL ngày 07/10/2020) (Có mặt).

Địa chỉ: Số X, đường N, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông Lý Minh C, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Vào ngày 03/8/2016, ông Lý Minh C với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Motor Card; số thẻ: 356480-9610; hạn mức: 10.000.000đ; ngày ký hợp đồng: 03/8/2016; lãi suất áp dụng: 2,5%.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Lý Minh C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 23.320.000đ (Hai mươi ba triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng). Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Lý Minh C phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 34.346.000đ (Ba mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) (Chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/7/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình khởi kiện thì ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc được 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm chuyển là 3.509.092đ (Ba triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, không trăm chín mươi hai đồng); lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lý Minh C có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng số tiền 7.871.272đ (Bảy triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng), trong đó dư nợ là: 3.509.092 đồng; Lãi quá hạn là: 4.362.180 đồng (tạm tính từ ngày 16/5/2022) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 17/5/2022 cho đến khi ông C trả hết nợ vay.

Ông Lý Minh C không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 59/2021/TB-TLVA ngày 18 tháng 5 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Lý Minh C nhưng ông C không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông C, không tiến hành hòa giải được và ông C cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Lý Minh C thanh toán số tiền vốn và lãi còn nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Trong vụ án này, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lý Minh C thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ và khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi ông Chiến trả hết nợ vay. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng **S** và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 03/8/2016, ông Lý Minh C với Ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Motor Card; số thẻ: 356480-9610; hạn mức: 10.000.000đ; ngày ký hợp đồng: 03/8/2016; lãi suất áp dụng: 2,5%.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông C đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng không thực hiện việc trả nợ. Cụ thể số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/5/2022 là:

- Nợ gốc chưa thanh toán: 3.509.092đ;

- Lãi chưa thanh toán: 4.362.180đ;

Tổng cộng: 7.871.272đ (Bảy triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng).

Xét về hợp đồng tín dụng **ngày 03/8/2016** giữa Ngân hàng TMCP S với ông Lý Minh C là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với ông Lý Minh C là hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ ông C đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng không thực hiện việc trả nợ. Việc ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ không những vi phạm các điều khoản cam kết về nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng mà còn vi phạm quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó Ngân hàng thương

mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán toàn bộ số dư nợ tạm tính đến ngày 16/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 7.871.272đ (Bảy triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc chưa thanh toán: 3.509.092 đồng; Lãi chưa thanh toán: 4.362.180 đồng là có căn cứ.

Do bị đơn ông Lý Minh C vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất giữa hai bên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn cố tình vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo luật định và phía bị đơn không phản đối những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra do đó nguyên đơn không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 318 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Lý Minh C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền vốn và lãi là: 7.871.272đ (Bảy triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc chưa thanh toán: 3.509.092 đồng; Lãi chưa thanh toán: 4.362.180 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/5/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/5/2022) ông Lý Minh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/Về án phí:

- Ông Lý Minh C phải nộp 393.563đ (Ba trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm. Ngân hàng được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0007894 ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng